

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **118/2020/DS-PT**

Ngày 26- 8- 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ
Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 161/2020/QĐXXPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1956.

Nơi cư trú: Số 52, đường TĐT, khóm BL2, phường MB, TP LX, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Việt B, sinh năm 1979, nơi cư trú: Số 149/32, tổ 55, khóm ĐA4, phường MX, TP LX, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 27/5/2019 (Xin vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Bà Hồ Hải T, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 52, đường TĐT, khóm BL2, phường MB, TP LX, tỉnh AG.

2.2 Ông Nguyễn Hoàng Minh Ph, sinh năm 1977 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 64, đường PHT, k1, phường ML, TP LX, tỉnh AG.

Nơi công tác: Bệnh viện tim mạch tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (ông Nguyễn Hoàng Minh Ph): Ông Lương Tổng T, sinh năm 1964, nơi cư trú: Số 118/6B, đường RTB, phường MP, TP LX, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 25/4/2020 (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hồ Thanh H, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 12, đường LTK, phường MB, TP LX, tỉnh AG.

3.2 Ngân hàng TMCP Nam Á, có trụ sở tại số 245, đường Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng Minh Ph là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Lê Thị S ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Việt B trình bày:

Vào ngày 20/10/2010 Hồ Hải T (con gái) và Nguyễn Hoàng Minh Ph (con rể) của bà S có vay của Ngân hàng TMCP Nam Á- Chi nhánh Tân Định- Phòng giao dịch Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh số tiền 1.200.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản thế chấp là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tọa lạc số 313B1 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến hạn bà T, ông Ph không có tiền trả cho Ngân hàng, nợ vốn và lãi tính đến ngày 06/6/2011 là (vốn 1.200.000.000đ và lãi 122.542.215đ) 1.322.542.000đ. Tại Biên bản ngày 06/6/2011 Ngân hàng yêu cầu phải thanh toán dứt điểm số tiền vào ngày 10/6/2011. Do không có tiền trả cho Ngân hàng nên bà T, ông Ph vay của bà S không tính lãi số tiền 1.322.542.000đ để trả nợ Ngân hàng và cam kết vài tháng sau sẽ trả lại. Để có tiền cho bà T, ông Ph vay, bà S vay tiền của bà H và bà Thới, cụ thể ngày 09/6/2011 bà S vay của bà Nguyễn Thị Thới 500.000.000đ (có hợp đồng nhận nợ), ngày 20/6/2011 bà S tiếp tục vay của bà Nguyễn Thị Thới 270.000.000đ và vay của bà Hồ Thanh H 561.000.000đ (có hợp đồng nhận nợ). Tổng số tiền vay của bà H và bà Thới là 1.331.000.000đ (số tiền cho bà T, ông Ph vay lại để trả Ngân hàng ít hơn số tiền bà S vay của bà H, bà Thới là 8.458.000đ). Bà S là người chuyển trả cho Ngân hàng TMCP Nam Á vào ngày 10/6/2011 số tiền 500.000.000đ theo giấy nộp tiền kiêm lệnh chi, số tiền còn lại 831.396.500đ bà đến Ngân hàng trả và T tất toán hợp đồng vay. Sau khi tất toán hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp thì bà S giữ bản chính giấy tờ nhà đất của bà T, ông Ph.

Bà S yêu cầu bà T, ông Ph liên đới trách nhiệm trả số tiền vay 1.322.542.000đ, bà xin rút lại yêu cầu tính lãi theo yêu cầu khởi kiện ban đầu (1.931.000.000đ - 1.322.542.000đ) 608.458.000đ.

Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Minh Ph ủy quyền cho ông Lương Tổng T trình bày:

Ông Ph không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, vì ông Ph không thỏa thuận bằng văn bản về việc vay tiền của bà S để trả cho khoản tiền vay chung của vợ chồng tại Ngân hàng, ông Ph hoàn toàn không nợ tiền bà S nên không có trách nhiệm trả. Tại bản án hôn nhân phần trình bày của các đương sự thì tiền vay không phải của bà S mà là của bà H nên không chấp nhận trả tiền cho bà S.

Đề nghị xem xét ông Ph không nhận được các văn bản tố tụng của Tòa, ông Ph không ký vay nên không phải là bị đơn trong vụ án, ông Ph chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ph thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP Nam Á số tiền vốn 1.200.000.000đ nhưng tiền do bà T nhận để tiêu xài cá nhân và xác định trường hợp khoản vay chưa được thanh toán thì ông Ph cũng có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ cho Ngân hàng. Ông không đồng ý cùng với bà T trả nợ cho bà S.

Bị đơn là bà Hồ Hải T trình bày:

Bà và ông Ph có vay của Ngân hàng TMCP Nam Á số tiền vốn 1.200.000.000đ và lãi phát sinh nhưng không có khả năng thanh toán nên bà và ông Ph thống nhất vay của bà S số tiền 1.322.542.000đ để trả cho Ngân hàng. Lần đầu bà S trực tiếp trả cho Ngân hàng số tiền 500.000.000đ, lần sau tất toán hợp đồng là 831.396.500đ. Sau khi trả xong cho Ngân hàng nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp của hợp đồng vay thì bà S giữ. Bà thống nhất có trách nhiệm cùng ông Ph trả cho bà S số tiền 1.322.542.000đ theo yêu cầu của bà S.

Đối với bản án hôn nhân có đề cập đến số tiền nợ là của bà H là do bà S vay tiền của bà H để cho bà và ông Ph vay lại trả nợ cho Ngân hàng, việc vay tiền có tính bắc cầu nên nếu bà và ông Ph trả cho bà H thì bà S không phải trả, sau đó bà và ông Ph không có khả năng trả trực tiếp cho bà H và bà H yêu cầu bà S trả nên bà S đã trả xong cho bà H. Do đó, bà và ông Ph có trách nhiệm trả lại cho bà S là điều hợp lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thanh H trình bày:

Bà H xác nhận có cho bà S vay số tiền 561.000.000đ để bà S cho T và Ph vay trả nợ cho Ngân hàng Nam Á số tiền vốn 1.200.000.000đ và lãi phát sinh. Bà S đã trả cho bà số tiền vốn vay là 561.000.000đ và lãi thỏa thuận giữa bà và bà S là 272.838.456đ nên bà không tranh chấp liên quan đến vụ án.

Đối với số tiền bà cho bà S vay để trả vào Ngân hàng cho T và Ph, khi T và Ph ly hôn bà có yêu cầu đòi lại vì lúc đó bà S không trả, T và Ph cũng không trả cho bà, sau đó bà rút đơn và bà S đã trả cho bà H nên T, Ph có trách nhiệm trả lại cho bà S là điều hợp lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S. Buộc bà Hồ Hải T và ông Nguyễn Hoàng Minh Ph có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị S số tiền 1.322.542.000đ.

Đình chỉ đối với việc rút lại đối với số tiền (1.931.000.000đ-1.322.542.000đ) 608.458.000đ.

Về án phí: Bà T, ông Ph phải liên đới trách nhiệm nộp 51.676.300đ án phí dân sự sơ thẩm

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 5 năm 2020 ông Nguyễn Hoàng Minh Ph nộp Đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên buộc ông phải liên đới trách nhiệm cùng bà T trả cho bà S số tiền 1.322.542.215đ là không đúng, vì ông không có quan hệ vay tiền của bà S nên không phát sinh nghĩa vụ trả nợ. Từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử ông không nhận được các văn bản tố tụng một cách hợp lệ. Thừa phát lại đã không niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú của ông mà chỉ lập biên bản rồi cho chính quyền địa Ph ký xác nhận, do đó gây thiệt hại cho ông trong việc bảo vệ lợi ích của mình trong vụ án, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng Minh Ph, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Ông Ph phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng Minh Ph kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Ph theo trình tự phúc thẩm.

Bà Lê Thị S ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Việt B theo Giấy ủy quyền ngày 27/5/2019 và ông Nguyễn Hoàng Minh Ph ủy quyền cho ông Lương Tổng T theo Giấy ủy quyền ngày 25/4/2020. Sự ủy quyền của các đương sự phù hợp

với Điều 138 và Điều 140 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Lê Thị S ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Việt B có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà Hồ Hải T, bà Hồ Thanh H và Ngân hàng TMCP Nam Á đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Lê Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Minh Ph giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên buộc ông phải liên đới trách nhiệm cùng bà T trả cho bà S số tiền 1.322.542.215đ là không đúng, vì ông không có quan hệ vay tiền của bà S nên không phát sinh nghĩa vụ trả nợ. Từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử ông không nhận được các văn bản tố tụng một cách hợp lệ. Thừa phát lại đã không niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú của ông mà chỉ lập biên bản rồi cho chính quyền địa phương ký xác nhận, do đó gây thiệt hại cho ông trong việc bảo vệ quyền, lợi ích của mình trong vụ án, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] Về kháng cáo của ông Ph, xét thấy tại Hợp đồng tín dụng số 909.10.0083/HĐTD ngày 20/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 909.10.0083/HĐTCBĐS-NHNA ngày 21/10/2010, khế ước nhận nợ số 909SRLDND1000243 ngày 27/10/2010 và giấy nhận nợ do ông Ph, bà T cùng ký kết để vay của Ngân hàng TMCP Nam Á- chi nhánh Tân Định- Phòng giao dịch Bến Thành số tiền 1.200.000.000đ. Ông Ph thừa nhận có ký kết các hợp đồng trên nhưng tiền do bà T nhận để tiêu xài cá nhân, bà T cho rằng vay để làm vốn mua bán lo cho gia đình. Sau khi vay tiền của Ngân hàng, bà T và ông Ph không còn khả năng thanh toán nên tại Biên bản làm việc ngày 06/6/2011 giữa đại diện Ngân hàng và bà T thể hiện tính đến ngày 05/6/2011 bà T và ông Ph còn nợ Ngân hàng số tiền (Vốn 1.200.000.000đ và lãi 122.542.215đ) 1.322.542.215đ. Do không còn khả năng trả nợ, bà T đã vay của bà S số tiền 1.322.542.000đ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Nam Á, cụ thể ngày 09/6/2011 bà S chuyển khoản thanh toán số tiền 500.000.000đ và ngày 21/6/2011 bà T vay của bà S để chuyển khoản thanh toán số tiền 831.396.500đ. Lời khai của bà T, bà S phù hợp với xác nhận của bà Thới, bà H và ý kiến của Ngân hàng TMCP Nam Á về việc đã tắt toán hợp đồng vay của bà T và ông Ph. Mặc dù, ông Ph không trực tiếp vay của bà S số tiền 1.322.542.000đ nhưng ông Ph thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng TMCP Nam Á và xác định trường hợp khoản vay chưa được thanh toán thì ông Ph cũng có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ cho Ngân hàng. Tại Bản án số 38/2013/HNGĐ-ST ngày 29/5/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thể hiện bà T và ông Ph đăng ký kết hôn ngày 14/3/2005 tại UBND phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên và tại phần nội dung vụ án ông Ph trình bày cha mẹ vợ đã cho tiền để chị T trả nợ vào ngày

09/6/2011 và ngày 20/6/2011 nhưng bà S không thừa nhận và ông Ph không cung cấp được chứng cứ chứng minh cha mẹ vợ cho tiền trả nợ Ngân hàng. Do đó, có cơ sở xác định bà T vay của bà S số tiền 1.322.542.000đ để trả khoản nợ của bà T, ông Ph vay tại Ngân hàng TMCP Nam Á là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại. Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định giao dịch dân sự do một bên xác lập nhưng để thanh toán cho khoản nợ chung của vợ chồng. Án sơ thẩm đã buộc bà T và ông Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà S số tiền 1.322.542.000đ là có căn cứ. Ông Ph kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Việc ông Ph cho rằng Thừa phát lại đã không niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú của ông Ph mà chỉ lập biên bản rồi cho chính quyền địa phương ký xác nhận đã gây thiệt hại cho ông trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của ông trong vụ án, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự nên yêu cầu hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm đã được thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Ph nhưng ông Ph không có mặt ở nhà nên đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Do đó, ông Ph cho rằng cấp sơ thẩm không niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú của ông Ph là không có cơ sở chấp nhận.

Các phần khác của bản án các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ph yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên như đã nhận định trên và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[5] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của ông Ph không được chấp nhận nên ông Ph phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308 và Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 138, Điều 140, Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng Minh Ph. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Buộc bà Hồ Hải T và ông Nguyễn Hoàng Minh Ph cùng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị S số tiền 1.322.542.000đ (Một tỷ ba trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 608.458.000đ.

5. Về án phí: Bà Hồ Hải T và ông Nguyễn Hoàng Minh Ph phải liên đới nộp 51.676.300đ (Năm mươi một triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hoàng Minh Ph phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0003071 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- TAND. TP.Long Xuyên
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà